

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2020/HS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Nhi và Ông Bùi Công Hoan

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Châu Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 115/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Vũ Đức P, sinh ngày 14/01/2002 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vũ Đức M, sinh năm 1978 và bà Lê Thị H, sinh năm 1983; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/6/2020 cho đến nay “bị cáo có mặt”

Người bị hại:

Chị Phan Thị Cẩm L, sinh năm 2000; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Anh Trần Ngọc H, sinh năm 2003; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 8, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”

Người đại diện hợp pháp của người bị hại anh Trần Ngọc H (Người bị hại là người chưa thành niên):

Bà Trần Ngọc Đ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 8, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (mẹ ruột của người bị hại) “vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lường Thị Hoài T, sinh năm 2002; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”

Anh Vũ Gia N, sinh năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”

Anh Mai Đăng Q, sinh năm 2002 “đơn xin xét xử vắng mặt”;

Bà Đinh Thị L, sinh năm 1966 “vắng mặt”;

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố 02, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Chị Lê Thị H, sinh năm 1983 “có mặt”;

Anh Vũ Đức M, sinh năm 1978 “có mặt”;

Anh Lê Xuân N, sinh năm 1981 “có mặt”;

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, Vũ Đức P học được trên mạng internet cách xóa và lấy lại tài khoản Facebook thông qua ứng dụng “Hola”. Sau đó P đã đăng tin để mọi người biết nếu ai có nhu cầu xóa và lấy tài khoản Facebook thì liên hệ với P để thuê thực hiện đến tháng 3 năm 2020 chị Lường Thị Hoài T, sinh năm 2002, HKTT: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước nhờ Đ lấy lại tài khoản Facebook mang tên “Lường Hoài T” đã bị người khác xâm nhập. Để thực hiện P đã yêu cầu chị T cung cấp các thông tin cá nhân cho P. Sau khi đã lấy lại được tài khoản cho chị T thì P gắn thêm địa chỉ Gmail của P là: Hackermiennam30003@gmail.com vào tài khoản Facebook của chị T với mục đích để “hack” khi cần. Đến cuối tháng 5/2020, chị T tiếp tục bị mất tài khoản Facebook nên nhờ P lấy lại dùm. Lúc này do P đã gài Gmail của P vào tài khoản của chị T nên đã lấy lại được tài khoản của chị T, khi này do muốn chiếm đoạt tiền các bạn của chị T để tiêu xài nên P dùng thủ đoạn gian dối giả danh chị T để nhắn tin hỏi vay tiền rồi chiếm đoạt cụ thể. Ngày 29/5/2020, P nhắn tin dưới danh nghĩa là chị T để vay của chị Phan Thị Cẩm L, sinh năm 2000, HKTT: ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước với số tiền là 1.500.000 đồng và yêu cầu chị L gửi qua số tài khoản tại Ngân hàng Đông Á chủ tài khoản là Vũ Gia N. Do tin tưởng là chị T vay tiền nên chị L đã chuyển tiền qua số tài khoản 011002287 do P gửi. Sau khi chị L gửi tiền qua, P đã nhờ anh N rút tiền đưa cho P để tiêu xài cá nhân. Sau đó P đưa lại tài khoản Facebook cho chị T để tiếp tục sử dụng. Đến ngày 02/6/2020, P tiếp tục “hack” tài khoản Facebook của chị T để vay tiền của anh Trần Ngọc H, sinh năm 2003, HKTT: phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước với số tiền là 2.800.000 đồng và nói anh H chuyển qua tài khoản số 011002287 của anh Vũ Gia N. Khi anh H chuyển tiền, P nói anh N rút tiền đưa cho P nhưng anh N nghi ngờ nguồn gốc số tiền nên đã không rút ra đưa cho P. Cùng ngày, P tiếp tục mượn danh nghĩa của chị T hỏi vay thêm anh H số tiền 2.800.000 đồng nữa thì anh H đồng ý. Lần này P đã nói với bạn mình là Mai Đăng Q, sinh năm 2002, HKTT: khu phố 2, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước cho mượn tài khoản để nhận tiền thì Q đưa số tài khoản của Q. Tuy nhiên P nói với Q là đang tổng tiền Facebook của người khác nên không sử dụng tài khoản này được. Do tin tưởng vì P là bạn

thân nên Q đã mượn tài khoản ngân hàng Vietcombank của bà Đinh Thị L (là mẹ của Q) đưa cho P. Sau đó P đã cho anh H số tài khoản của bà L để anh H chuyển tiền. Sau khi anh H chuyển tiền qua, P nói Q biết, Q nói lại với bà L và đã chuyển số tiền 2.800.000 đồng qua số tài khoản số 65510000396343 của P. Khi nhận được tiền P tiếp tục chuyển số tiền 2.800.000 đồng trên qua tài khoản “Momo” của mình để chiếm đoạt. Ngày 03/6/2020, anh Trần Ngọc H, chị Phan Thị Cẩm L liên lạc với chị T và biết không phải chị T đứng ra vay tiền nên đã đến Công an phường T trình báo sự việc.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ 01 sim điện thoại số 8984048000029745248; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Đông Á mang tên Vũ Gia N; 01 sim điện thoại của Vũ Đức P; 03 điện thoại di động các loại (01 điện thoại Samsung A70, màu xanh; 01 điện thoại Samsung Galaxy A7, màu đen; 01 điện thoại Oppo A39 màu trắng); 01 bộ máy vi tính để bàn hiệu Samsung; số tiền 2.800.000 đồng; số tiền 100.000 đồng; số tiền 2.700.000 đồng.

Ngày 14/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Vũ Gia N 01 thẻ ATM của Ngân hàng Đông Á mang tên Vũ Gia N, trả cho chị Lê Thị H 01 điện thoại Oppo A39 màu trắng, đã qua sử dụng, tình trạng cũ; 01 bộ máy vi tính để bàn hiệu Samsung, đã qua sử dụng, trả cho anh Vũ Đức M 01 điện thoại Samsung Galaxy A7, màu đen, đã qua sử dụng, tình trạng cũ.

Tại Bản cáo trạng số 125/CT-VKS ngày 09/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Vũ Đức P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Đức P mức án từ 04 đến 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại của Vũ Đức P số thuê bao 0986.566.707, số sim 8984048000029745248; trả lại cho anh Mai Đăng Q 01 điện thoại Samsung A70 màu xanh đã cũ và trả lại cho bị cáo P số tiền 5.600.000 đồng.

Bị cáo Vũ Đức P tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 125/CT-VKS ngày 09/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận điều tra, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, ngày 29/5/2020 Vũ Đức P đã lén lút đăng nhập trang chủ mạng xã hội “Facebook” của chị Lương Thị Hoài T rồi giả danh chị T hỏi mượn tiền của chị Phan Thị Cẩm L để chị L tin tưởng chuyển số tiền 1.500.000 đồng vào tài khoản. Đến ngày 02/6/2020 P tiếp tục sử dụng mạng xã hội “Facebook” của chị T rồi giả danh chị T để chiếm đoạt của anh Trần Ngọc H 02 lần với tổng số tiền 5.600.000 đồng. Như vậy tổng số tiền mà P chiếm của chị L, anh H là 7.100.000 đồng.

Căn cứ vào hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 7.100.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người đã thành niên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi lấy cắp tài khoản “Facebook” của người khác để đưa ra thông tin gian dối làm người bị hại tin tưởng là chủ sở hữu tài khoản để hỏi mượn tiền sau đó chiếm đoạt là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích tiêu xài cá nhân mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, là khách thể được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và mỗi lần đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên ngoài việc xem xét số tiền bị cáo chiếm đoạt làm tình tiết định khung thì bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng hình phạt là phạm tội “02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường khắc phục thiệt hại cho những người bị hại; người bị hại cũng có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường khắc phục thiệt hại cho người bị hại; người bị hại cũng có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; xét bị cáo có đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự nên được Hội đồng xét xử áp dụng để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

Đối với Vũ Gia N, Mai Đăng Q là người cho Vũ Đức P mượn số tài khoản ngân hàng để thực hiện việc chuyển tiền chiếm đoạt nhưng không biết việc P mượn số tài khoản ngân hàng để thực hiện hành vi phạm tội và không biết rõ nguồn gốc số tiền P chuyển đến là do P thực hiện hành vi phạm tội mà có nên không đặt ra vấn đề xử lý.

Đối với bà Đinh Thị L khi con trai là anh Mai Đăng Q đưa số tài khoản ngân hàng của bà L cho Vũ Đức P chuyển tiền chiếm đoạt thì bà L không biết nguồn gốc số tiền chuyển đến là do P thực hiện hành vi phạm tội mà có nên không đặt ra vấn đề xử lý.

Đối với chị Lê Thị H không biết việc P lấy điện thoại Oppo A39 màu trắng của chị H để thực hiện việc đánh cắp tài khoản “Facebook” của chị Lương Thị Hoài T nên không đặt vấn đề xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Do người bị hại chị Phan Thị Cẩm L và anh Trần Ngọc H đã được nhận lại số tiền bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại của Vũ Đức P số thuê bao 0986.566.707, số sim 8984048000029745248 do không còn giá trị sử dụng;

Trả lại cho anh Mai Đăng Q 01 điện thoại Samsung A70 màu xanh, đã cũ không lên nguồn và trả lại cho bị cáo P số tiền 5.600.000 đồng do đây là tài sản cá nhân của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không liên quan đến hành vi phạm tội.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Vũ Đức P phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vũ Đức P 03 (ba) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù, bằng thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2020 đến ngày 29/9/2020. Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về trách nhiệm dân sự: Do các bên không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại bỏ trong bao thư có chữ ký của cán bộ điều tra Trương Đình L, bị cáo Vũ Đức P

Trả lại cho bị cáo Vũ Đức P số tiền 5.600.000 đồng.

Trả lại cho anh Mai Đăng Q 01 điện thoại Samsung A70 màu xanh, đã cũ không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001835, quyền số 0037, ký hiệu D47/2017 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước).

5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo P phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; người đại diện hợp pháp của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

- *Lưu HS-VP.*

Lê Văn An